

Số: 654 /QĐ - UBND

Bắc Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán
ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018, cụ thể như sau:

I. Công khai số liệu thực hiện dự toán NSDP 9 tháng đầu năm 2018 (theo các biểu số: 59/CK-NSNN; 60/CK-NSNN; 61/CK-NSNN đính kèm).

II. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSDP 9 tháng đầu năm 2018:

1. Về thu NSNN: Thực hiện thu NSNN trên địa bàn 9 tháng đầu năm 2018 đạt 7.223,2 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 3.884,8 tỷ đồng; thuế XNK 680,77 tỷ đồng), đạt 113,4% dự toán tình giao và tăng 34,2% so cùng kỳ. Thu nội địa 6.542,4 tỷ đồng đạt 129,1% dự toán và tăng 28,8% so cùng kỳ. Một số lĩnh vực thu đạt khá như: Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 112,1%; Thu tiền thuê đất đạt 180%; Thu tiền sử dụng đất đạt 203,9%,...

(Chi tiết các lĩnh vực thu theo biểu số 60/CK-NSNN đính kèm)

2. Về chi Ngân sách địa phương: Thực hiện 9 tháng đầu năm 9.345,283 tỷ đồng đạt 69% dự toán tình giao, tăng 20,9% so cùng kỳ. Trong đó:

2.1. Chi cân đối NSDP: 8.720,440 tỷ đồng đạt 75,6% dự toán năm, tăng 19% so cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển 2.703,730 tỷ đồng bằng 111,1% dự toán, tăng 55,4% so cùng kỳ; chi đầu tư phát triển đạt khá do nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2017 chuyển sang thực hiện chi cho một số công trình, dự án.

- Chi thường xuyên 6.016,710 tỷ đồng, đạt 67,8% dự toán, tăng 7,7% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 9 tháng đầu năm cơ bản theo dự toán được giao, đáp ứng kịp

thời nhu cầu chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và các nghiệp vụ chuyên môn.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: 624,843 tỷ đồng đạt 31% dự toán, tăng 54,3% so cùng kỳ. Trong đó:

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp): 181,245 tỷ đồng, đạt 54,8% dự toán năm, tăng 25,4% so cùng kỳ. Chương trình MTQG đạt thấp do một số chương trình phân bổ kế hoạch vốn chi tiết muộn. Hiện các đơn vị mới đang triển khai thực hiện.

- Chi các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư: 443,598 tỷ đồng, đạt 26,4% dự toán, tăng 70,4% so cùng kỳ.

(Chi tiết các lĩnh vực chi theo biểu số 61/CK-NSNN đính kèm)

3. Chi từ nguồn bội thu NSDP: thực hiện 9 tháng đầu năm 117,3 tỷ đồng bằng 100% dự toán (trong đó: trả nợ vốn đối ứng dự án hỗ trợ thủy lợi Việt Nam - tiểu dự án Hiện đại hóa hệ thống thủy lợi Cầu Sơn, Cẩm Sơn 20,2 tỷ đồng; trả nợ vốn vay tín dụng ưu đãi 97,1 tỷ đồng).

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2018.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

tb
Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành trực thuộc Tỉnh uỷ; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH; Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, TP.
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TPKT, TH, TTTT;
- + Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Hà
Nguyễn Thị Thu Hà



GAN ĐOỊ NGAN SACH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT		DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH TH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	13.669.266	14.944.633	109,3	144,1
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.854.900	6.343.823	130,7	191,2
1	Thu NSDP được hưởng 100%	2.639.220	4.653.438	176,3	226,4
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.215.680	1.690.385	76,3	133,9
II	Thu bổ sung từ NSTW	8.814.366	6.487.569	73,6	117,3
1	Thu bổ sung cân đối	6.282.444	4.833.540	76,9	100,4
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.531.922	1.654.029	65,3	231,0
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2.113.241		139,3
B	TỔNG CHI NSDP	13.552.007	9.345.283	69,0	120,9
I	Chi cân đối NSDP	11.537.697	8.720.440	75,6	119,0
1	Chi đầu tư phát triển	2.434.221	2.703.730	111,1	155,4
2	Chi thường xuyên	8.878.243	6.016.710	67,8	107,7
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.800	-		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	-	-	
5	Dự phòng ngân sách	221.233	-	-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.014.310	624.843	31,0	154,3
C	BỘI THU NSDP	117.259	117.259	100,0	86,2

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2018

Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯTH QUÝ III NĂM 2018	SO SÁNH ƯTH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.368.500	7.223.217	113,4	134,2
I	Thu nội địa	5.068.500	6.542.447	129,1	128,8
1	Thu từ khu vực DNNN	525.000	426.157	81,2	134,2
2	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	649.000	436.297	67,2	134,3
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	725.000	486.000	67,0	119,9
4	Thuế thu nhập cá nhân	365.000	347.012	95,1	148,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	220.000	194.869	88,6	128,1
6	Lệ phí trước bạ	265.000	285.682	107,8	156,9
7	Thu phí, lệ phí	136.000	74.944	55,1	96,0
8	Các khoản thu về nhà đất	1.980.000	4.012.594	202,7	245,9
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	10.000	10.811	108,1	326,6
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.905.000	3.884.796	203,9	251,2
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	65.000	116.987	180,0	143,2
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	25.000	28.037	112,1	147,7
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	3.500	5.402	154,3	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	25.000	22.163	88,7	134,4
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	16.172	80,9	110,7
13	Thu khác ngân sách	130.000	207.118	159,3	179,4
II	Thu từ đầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.300.000	680.770	52,4	84,0
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	935.000	499.687	53,4	85,5
2	Thuế xuất khẩu	3.000	2.354	78,5	166,1
3	Thuế nhập khẩu	361.500	174.103	48,2	77,6
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	500	4.626	925,2	1.177,1
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.854.900	6.343.823	130,7	191,2
1	Từ các khoản thu phân chia	2.215.680	1.690.385	76,3	133,9
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.639.220	4.653.438	176,3	226,4

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2018	SO SÁNH TH VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	13.552.007	9.345.283	69,0	120,9
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.537.697	8.720.440	75,6	119,0
I	Chi đầu tư phát triển	2.434.221	2.703.730	111,1	155,4
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.351.501	2.662.370	113,2	162,4
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.	-	-	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	82.720	41.360	50,0	41,4
III	Chi thường xuyên	8.878.243	6.016.710	67,8	107,7
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.051.011	2.627.786	64,9	104,0
2	Chi khoa học và công nghệ	26.040	18.347	70,5	138,6
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	899.842	674.930	75,0	94,3
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	86.669	73.459	84,8	116,1
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	59.622	35.836	60,1	92,5
6	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	19.346	12.692	65,6	63,0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	101.874	45.042	44,2	117,4
8	Chi sự nghiệp kinh tế	770.776	623.197	80,9	153,5
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.588.682	1.259.897	79,3	106,2
10	Chi đảm bảo xã hội	538.911	425.304	78,9	114,5
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.800			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200			
V	Dự phòng ngân sách	221.233			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.014.310	624.843	31,0	154,3
1	Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư và vốn SN)	330.995	181.245	54,8	125,4
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư (trong đó: vốn nước ngoài 511.542tr; Vốn TPCP 877.000trđ)	1.683.315	443.598	26,4	170,4
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên (đã phân bổ vào các lĩnh vực chi TX)				